

Vấn đề đặt ra, không chỉ bằng mọi cách huy động cho được các nguồn vốn, mà còn phải coi trọng việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ấy cho đầu tư phát triển sao có hiệu quả để vốn không ngừng sinh sôi nảy nở và đạt được chiến lược kinh tế - xã hội đề ra.

Đầu tư phát triển phải đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Phải đạt được tính bền vững trong đầu tư phát triển, tức tự bản thân nó phải có những mầm mống cho tăng trưởng trong tương lai, nhằm sử dụng tài nguyên một cách hợp lý để không ngừng khai thác lợi thế so sánh của tiềm năng đất nước.

+ Sử dụng vốn cho đầu tư phát triển có hiệu quả để tái tạo và phát triển các nguồn vốn, tạo tiền đề cho quá trình huy động vốn ở giai đoạn tiếp theo.

+ Nền kinh tế Việt Nam có điểm xuất phát ở mức thấp, thu nhập bình quân đầu người khoảng 300USD/năm, lại nằm trong khu vực ASEAN có tốc độ tăng trưởng cao nên

cao nhất để tạo ra tích lũy tái đầu tư. Cụ thể được phân tích qua các nguồn vốn sau:

1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước
Tỷ lệ động viên GDP vào ngân

nông nghiệp, lâm nghiệp.

2. Nguồn tài sản công và tài sản quốc gia
- Hiện nay nguồn tài sản công là nguồn lực to lớn của Chính phủ với nguồn vốn khoảng 810.000 tỷ đồng.

HUY ĐỘNG VỐN CHO ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Thạc sĩ NGUYỄN VINH HÙNG



Việt Nam phải duy trì tốc độ tăng trưởng cao để đuổi kịp các nước trong khu vực trong vài thập niên tới, mặc dù chịu tác động nhất định của khủng hoảng tài chính khu vực.

Vì vậy Chính phủ phải có kế hoạch; chính sách huy động vốn phù hợp với khả năng phát triển của nền kinh tế, tập quán tiêu dùng và tiết kiệm của nhân dân.

1. THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG VỐN CHO ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Để đẩy nhanh tốc độ đầu tư phát triển theo yêu cầu trên, đòi hỏi chúng ta phải có chính sách và giải pháp thích hợp cho việc huy động vốn trong nước và vốn ngoài nước, đồng thời phải quan tâm đúng mức đến công tác quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả

sách nhà nước không ngừng tăng lên qua các năm, bình quân tăng từ 13,1% GDP (thời kỳ 1986 - 1990) lên 20,5% (thời kỳ 1991 - 1995) ngân sách nhà nước từ chỗ thu không đủ chi, đã phần đầu tư nay có một phần tích lũy dành cho đầu tư phát triển từ 2,3% GDP năm 1991, tăng lên 6,1% GDP vào năm 1996 (nếu kể cả khấu hao cơ bản là 7,9% GDP) là do:

- NSNN đã điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư nhằm tạo ra tiền đề thu hút các nguồn vốn đầu tư.

- Chi NSNN cho đầu tư phát triển tập trung vào cơ sở hạ tầng của nền kinh tế - xã hội.

- NSNN không bao cấp cho DNNN thông qua cổ phần hóa và tập trung đầu tư vào lãnh vực sản xuất

Với số vốn trên, Chính phủ mới đầu tư vào doanh nghiệp nhà nước khoảng 60.000 tỷ đồng, số vốn còn lại 750.000 tỷ đồng còn ở dạng tiềm năng là tài sản nhà nước hiện do các cơ quan hành chính sự nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang... quản lý.

* Cả nước Việt Nam hiện có 645.205 ha đất trong khu dân cư nông thôn và khoảng 63.402 ha đất trong khu dân cư đô thị, nếu tính đủ giá trị đất đối với diện tích phải thu tiền sử dụng đất thì ta có nguồn vốn khoảng 30.000 tỷ đồng.

* Chỉ tính 1.599 dự án đầu tư nước ngoài được cấp phép, Việt Nam dùng giá trị tiền thuê đất để góp vốn liên doanh được 4 tỷ USD, đã thu hút được 13 tỷ USD của đối tác nước ngoài tham gia đầu tư vào Việt Nam.

3. Nguồn vốn trong dân cư

Theo ước tính của các chuyên gia kinh tế tài chính nguồn vốn trong dân cư có khoảng 6 tỷ USD được sử dụng qua điều tra của Bộ Kế hoạch & Đầu tư và Tổng cục Thống kê như sau:

* 44% để dành của dân là mua vàng và ngoại tệ.

* 20% để dành của dân là mua nhà, đất và cải thiện điều kiện sinh hoạt.

* 17% để dành của dân gửi tiết kiệm chủ yếu lại là tiết kiệm ngắn hạn.

* 19% để dành của dân dùng trực tiếp cho các dự án đầu tư nhưng phần lớn lại là đầu tư ngắn hạn.

Như vậy Chính phủ mới huy động được 36% vốn hiện có trong dân dành cho đầu tư phát triển là do hình thức huy động chưa đa dạng.

* Tuy Nhà nước cho phép các doanh nghiệp nhà nước huy động vốn

trong dân với nhiều hình thức, nhưng thực tế khi áp dụng còn nhiều ràng buộc như:

Việc phát hành trái phiếu công ty chưa được triển khai rộng rãi.

Lãi suất huy động vốn trong CB.CNV còn bị khống chế bởi lãi suất ngân hàng.

Tuy vậy, nguồn vốn huy động trong dân có tốc độ tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước, được thể hiện qua biểu sau:

STT	NĂM	Mức huy động (tỷ đồng)	Mức tăng trưởng (%)
1	1991	6.430	181,4
2	1992	10.864	170,0
3	1993	13.000	120,0
4	1994	17.000	130,0
5	1995	20.000	117,7
6	1996	24.000	120,0
7	1997	28.000	116,7

Nguồn: Thời báo Tài Chính Việt Nam xuân Mậu Dần.

4. Nguồn vốn đầu tư trong doanh nghiệp nhà nước

Tổng số nguồn vốn do các doanh nghiệp nhà nước quản lý hiện nay khoảng 60.000 tỷ đồng. Riêng trong năm 1997 nguồn vốn của doanh nghiệp nhà nước là 16.000 tỷ đồng gồm: khấu hao cơ bản khoảng 3.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế khoảng 4.000 tỷ đồng, doanh nghiệp góp vốn bằng đất đai, nhà xưởng, vốn tự có khoảng 9.000 tỷ đồng để liên doanh với nước ngoài.

5. Nguồn vốn ngoài nước

a. Vốn đầu tư nước ngoài:

Đến tháng 4.1998 với tổng số vốn đăng ký 32,295 tỷ USD nếu kể cả vốn bổ sung của các dự án thực hiện thì đạt 36,125 tỷ USD và gần 2.379 giấy phép được cấp, đồng thời có 1.269 dự án đã góp vốn với tổng số vốn góp trên 12,932 tỷ USD, đạt 40,04% tổng vốn đăng ký. Trong đó tỷ lệ góp vốn của Việt Nam chiếm 33,4% tương đương 4 tỷ USD (gồm góp bằng quyền sử dụng đất khoảng 85%, bằng giá trị tài sản hiện có 10%, bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ khoảng 5%).

b. Viện trợ nước ngoài:

Nguồn viện trợ phát triển chính thức ODA vay của Chính phủ các nước và các tổ chức quốc tế đã không ngừng tăng lên, các nước cam kết cho Việt Nam vay năm 1993 là 1,86 tỷ USD; năm 1994 là 1,9 tỷ USD; năm 1995 là 2,3 tỷ USD; năm 1996 là 2,5 tỷ USD; năm 1997 là 2,9 tỷ USD. Mức độ giải ngân của Việt Nam ngày càng lớn hơn như năm 1993 là 413 triệu USD; 1994 là 725 triệu USD; 1995 là 735 triệu USD; 1996 lên đến 793 triệu USD; năm 1997 tăng 1,1 tỷ USD. Trong hơn 5 năm Việt Nam giải ngân

được 2.666 tỷ USD chiếm 31,4% vốn ODA.

c. Nguồn kiều hối

Lượng ngoại tệ do kiều bào Việt Nam ở nước ngoài, chuyển về nước theo con đường chính thức khoảng 500 triệu USD. Nếu kể cả số ngoại tệ mà Việt kiều chuyển về nước theo con đường không chính thức thì lượng kiều hối phải tương đương 1 tỷ USD vào năm 1995 và những năm sau có chiều hướng tăng lên.

Như vậy nếu so sánh 1 tỷ USD tương đương 13.000 tỷ đồng Việt Nam bằng với vốn NSNN đầu tư theo kế hoạch hàng năm, tương đương 15% tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội.

Những năm đầu của thập niên 90, Đảng ta thực hiện đường lối đổi mới kinh tế, nền nhu cầu vốn cho nền kinh tế không ngừng tăng cao, vì công cuộc đổi mới diễn ra trong diện rộng, phải tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để tạo động lực phát triển nền kinh tế Việt Nam theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhằm khắc phục tình trạng suy thoái, tạo đà cho nền kinh tế có mức tăng trưởng cao, tốc độ tăng GDP năm 1997 gấp 1,7 lần năm 1990, bình quân tăng 8,5% được thể hiện qua các năm sau:

Năm	Tốc độ tăng GDP (%)	Năm	Tốc độ tăng GDP (%)
1991	6	1995	9,5
1992	8,6	1996	9,3
1993	8,1	1997	9
1994	8,8	1998	6-7

Kết quả đạt được do Chính phủ đã luật hóa và thể chế hóa sự huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển, tạo ra hành lang an toàn cho môi trường đầu tư thuận lợi, mặc dù mức đầu tư chưa nhiều nhưng là điều kiện cần và đủ để nền kinh tế cất cánh.

II. GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI HUY ĐỘNG VỐN CHO ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2000 VÀ VẺ SAU

Để đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển kinh tế năm 1996 - 2000, với nhịp độ tăng trưởng GDP hàng năm từ 9% - 10% và GDP bình quân trên đầu người, năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1990. Điều này đòi hỏi nhu cầu vốn đầu tư cho nền kinh tế khoảng 42 tỷ USD.

Để có nguồn vốn cho đầu tư phát triển trên, một mặt chúng ta cần khai thác tối đa mọi nguồn vốn trong nước mang tính quyết định như: vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng nhà nước, vốn của các doanh nghiệp, vốn trong dân cư, đồng thời phải khai thác và phát huy khả năng tranh thủ vốn ngoài nước mang tính quan trọng như: vốn và công nghệ mới tranh thủ

các nguồn vốn tín dụng của các tổ chức tài chính quốc tế như IMF, ADB, WB ... các nguồn vốn tài trợ mang tính song phương và đa phương và nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài việc huy động vốn trong thời gian tới phải đạt được mục tiêu sau.

- Tính đồng bộ của chính sách huy động vốn với chính sách kinh tế và chính sách tài chính, để tạo cho nền kinh tế phát triển ổn định và bền vững.

- Đa dạng hóa các công cụ và hình thức huy động vốn, nhằm thu hút và khơi dậy các tiềm năng để đầu tư phát triển nền kinh tế, ngõ hầu sử dụng vốn có hiệu quả nhằm bảo toàn và phát triển nguồn nội lực.

- Thực hiện chiến lược huy động vốn của Đảng trong giai đoạn hiện nay "Huy động vốn trong nước là quyết định, huy động vốn ngoài nước là quan trọng" đòi hỏi chúng ta phải linh hoạt phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước từng thời kỳ để phát triển kinh tế.

Do đó Nhà nước phải có chính sách, cơ chế và giải pháp huy động vốn thích hợp cho đầu tư phát triển đất nước.

1. Huy động vốn trong nước

a. Mục tiêu:

- Nguồn vốn trong dân cư hiện nay khoảng 60.000 tỷ đồng được cất giữ dưới các hình thức khác nhau, cần phải được đưa vào dòng chảy đầu tư phát triển nền kinh tế.

- Tạo lòng tin cho nhân dân yên tâm bỏ vốn ra đầu tư, vì tiềm lực trong nhân dân còn rất lớn, muốn vậy Nhà nước phải ổn định tiền tệ và hệ thống pháp luật đầy đủ.

- Có chính sách khuyến khích làm giàu chính đáng.

b. Giải pháp:

- Đa dạng hóa các hình thức, công cụ, huy động vốn để cho mọi người dân ở bất cứ nơi nào, thời điểm nào cũng có cơ hội thuận tiện để đưa đồng vốn của mình vào đầu tư phát triển kinh tế.

- Tăng lãi suất tiết kiệm đảm bảo lãi suất dương.

- Khuyến khích sử dụng tài khoản cá nhân, thực hiện chế độ thanh toán gởi tiền ở một nơi và rút ra ở bất cứ nơi nào, có vậy chúng ta mới đưa được nguồn vốn dưới dạng cất giữ vào lưu thông.

- Tạo môi trường đầu tư thông thoáng và thực hiện theo qui định của Luật pháp để người dân dễ dàng bỏ vốn đầu tư.

- Chính phủ ban hành chính sách khuyến khích các hộ gia đình ở các vùng nông thôn; vốn vào sản xuất kinh doanh, trên cơ sở khai thác thế mạnh từng vùng, phát huy ngành nghề truyền thống hiện có của địa phương.

- Chính phủ ban hành chính sách khuyến khích tư nhân trong nước tự đầu tư, hoặc góp vốn với Chính phủ xây dựng và kinh doanh các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Thực hiện chính sách xã hội hóa đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, y tế, nhằm huy động thêm nguồn lực của nhân dân...

2. Huy động nguồn vốn trong doanh nghiệp nhà nước

a. Mục tiêu

- Trong 5 năm 1996 - 2000 vốn của doanh nghiệp nhà nước tự đầu tư khoảng 14 - 15% tổng số của toàn xã hội.

- Có chính sách và giải pháp khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước sản xuất kinh doanh có hiệu quả hơn để có tích lũy tái đầu tư cho sản xuất kinh doanh.

b. Giải pháp:

- Mở rộng quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp theo hướng cơ cấu lại vốn sản xuất và tài sản doanh nghiệp một cách hợp lý, tính đủ giá trị quyền sử dụng đất vào vốn và tài sản tại doanh nghiệp.

- Cho phép được khấu hao nhanh để tạo vốn cho tái đầu tư là điều kiện để đổi mới công nghệ, đầu tư theo chiều sâu, hạ giá thành sản phẩm để tăng tích lũy ở giai đoạn kế tiếp.

- Tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, để tăng thêm vốn đầu tư mới cho doanh nghiệp, cũng là điều kiện để Nhà nước tăng thu ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển kinh tế.

- Sắp xếp cho các doanh nghiệp theo hướng hợp nhất các đơn vị làm ăn có hiệu quả, để mở rộng qui mô sản xuất kinh doanh. Đồng thời, nâng cao chất lượng quản lý kinh doanh, để đủ sức cạnh tranh khi hội nhập với các nước trong khu vực.

- Hoàn thiện môi trường pháp lý tạo thuận lợi cho đầu tư phát triển.

* Thực hiện chính sách ưu đãi về lãi suất cho đầu tư, nhất là lãi suất trung và dài hạn.

* Xóa bỏ hiện tượng "hình sự hóa" các quan hệ dân sự, quan hệ kinh tế.

* Sửa đổi luật công ty, luật doanh nghiệp tư nhân theo hướng đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian thành lập doanh nghiệp.

* Ban hành thêm luật cổ phần hóa, luật chống độc quyền và khuyến khích cạnh tranh.

* Các văn bản dưới luật phải được ban hành đầy đủ kịp thời và tránh chồng chéo nhau, trước ngày luật có hiệu lực thi hành.

3. Huy động vốn ngân sách nhà nước và tài sản công

a. Mục tiêu:

- Ngân sách nhà nước phải dành

khoảng 20 - 25% tổng số chi ngân sách cho đầu tư phát triển hàng năm.

- Khai thác có hiệu quả tín dụng nhà nước cho đầu tư phát triển đồng thời phải đẩy mạnh hình thức vay vốn trong nhân dân cho đầu tư phát triển kinh tế là quốc sách hàng đầu.

- Tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công là nguồn vốn quan trọng cho đầu tư phát triển.

b. Giải pháp:

- Ngân sách nhà nước phải dành khoảng từ 10 - 12% GDP để đầu tư cho cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của đất nước để tạo được xương sống cho nền kinh tế cất cánh, để lôi cuốn các nguồn vốn khác cùng tham gia đầu tư.

* Tăng thu cho ngân sách nhà nước thông qua việc phát triển kinh tế hoặc tăng thêm các loại thuế, phí và lệ phí, nhằm tạo tích lũy cho đầu tư phát triển.

* Giảm chi thường xuyên của ngân sách một cách hợp lý để tăng chi cho đầu tư phát triển.

* Sử dụng quỹ dự trữ quốc gia.

- Phát hành trái phiếu Chính phủ trung hạn và dài hạn.

- Sử dụng tài sản công để tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển.

* Tổ chức quản lý và kiểm soát tài sản công một cách chặt chẽ và có hiệu quả.

* Thanh lý và chuyển hóa những tài sản công còn lãng phí cho các tổ chức, cá nhân để tăng thu ngân sách nhà nước.

* Có biện pháp nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản công.

4. Huy động vốn ngoài nước

a. Mục tiêu:

- Chủ trọng thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, đồng thời mở rộng các hình thức tín dụng tài trợ với lãi suất ưu đãi cho các lĩnh vực đầu tư có hiệu quả.

- Quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả, đúng mục đích để có nguồn vốn trả nợ đúng hạn nhằm tạo uy tín của nhà nước Việt Nam trên thị trường tài chính thế giới.

b. Giải pháp:

- Nhận định cho đúng vai trò thực tế của vốn và công nghệ nước ngoài đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Tạo môi trường vĩ mô ổn định và thuận lợi thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) và chuẩn bị tốt điều kiện tiếp nhận nguồn vốn tài trợ chính thức (ODA).

- Phát hành trái phiếu của Chính phủ và doanh nghiệp nhà nước ra thị trường vốn thế giới.

- Sử dụng nguồn vốn đầu tư nước ngoài phải tập trung đầu tư, ưu tiên cho ngành có công nghệ tiên tiến, có tỷ trọng xuất khẩu cao.

- Sử dụng nguồn vốn ODA nên tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Đa dạng hóa và đa phương hóa các nguồn vốn tài trợ phát triển ODA trên cơ sở giải quyết dứt điểm nợ cũ kéo dài nhiều năm.

5. Huy động vốn của kiều bào Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài

a. Mục tiêu:

- Việt Nam có trên 2 triệu người đang sinh sống ở nước ngoài, có điều kiện làm ăn phát đạt, có tri thức khoa học, có kinh nghiệm kinh doanh trên thương trường quốc tế là điều kiện quan trọng làm cầu nối giữa nền kinh tế Việt Nam với thị trường thế giới, đồng thời đầu tư vốn về nước để góp sức xây dựng quê hương giàu đẹp ngày càng rộng rãi hơn.

b. Giải pháp:

- Tuyên truyền vận động Việt kiều ở nước ngoài tích cực chuyển tiền về nước vì ích nước lợi nhà, tạo điều kiện dễ dàng vừa thuận lợi, không hạn chế.

- Có chính sách ưu đãi về tỷ giá, giúp đỡ thân nhân họ trong việc đầu tư sản xuất kinh doanh... để hướng việc chuyển kiều hối về nước bằng con đường chính thức.

- Hướng việc sử dụng kiều hối vào đầu tư tăng trưởng bằng các chính sách ưu đãi đầu tư, khuyến khích tiết kiệm tiêu dùng, gởi tiết kiệm, mua cổ phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, thành lập doanh nghiệp, góp vốn liên doanh với các đơn vị trong nước.

- Cần có chính sách phù hợp, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi nhất để thu hút nguồn chất xám quý báu của Việt kiều ở nước ngoài có cơ hội đóng góp xây dựng đất nước.

Tóm lại, sau hơn 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước ta đã có nhiều điều kiện và thời cơ thuận lợi cho việc thực thi chính sách huy động vốn trong nước và vốn nước ngoài về cơ bản đáp ứng được nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển, thể hiện mức tăng trưởng kinh tế năm sau cao hơn năm trước, nền kinh tế bước đầu đã có tích lũy, bộ chỉ ngân sách nhà nước ngày càng giảm dần. Tuy nhiên chúng ta cũng đang đứng trước một thử thách quan trọng là điểm xuất phát của nền kinh tế quá thấp so với các nước trong khu vực và toàn thế giới, đòi hỏi chúng ta phải có chiến lược huy động vốn với những giải pháp trước mắt và lâu dài trên con đường hội nhập kinh tế trong khu vực và kinh tế toàn cầu vừa mang tính hợp tác cùng phát triển đồng thời cũng cạnh tranh khá gay gắt, nhất định đất nước ta sẽ gặt hái nhiều thành công đảm bảo tốc độ phát triển bền vững ■